

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../2022

Class: L3

Tel: 038 255 2594

GLOBAL STAGE 3

UNIT 5: MAKE SOME NOISE – VOCABULARY REVISION

I. Write the correct names of these musical instruments. (Viết chính xác tên các nhạc cụ)



0. clarinet



1. x _____



2. h _____



3. c _____



4. t _____



5. p _____

II. Match the left and right columns to make meaningful words. (Nối cột bên trái và bên phải để tạo thành từ có nghĩa). Lưu ý: Bên dưới là các từ vựng trong Unit 5.

- | | | |
|--------|-------|---------------|
| 0. ba | • zz | ⇒ _____ |
| 1. bu | • ng | ⇒ <u>bang</u> |
| 2. chi | • ash | ⇒ _____ |
| 3. cra | • nch | ⇒ _____ |
| 4. spl | • rp | ⇒ _____ |
| 5. cru | • sh | ⇒ _____ |
| 6. squ | • eak | ⇒ _____ |

III. Read the statements, then write True or False. (Đọc các câu sau, và điền Đúng hoặc Sai)

- | | |
|---|---------------|
| 0. Bees <u>buzz</u> lazily among flowers. | ⇒ <u>True</u> |
| 1. My dog is always <u>barking</u> at that naughty cat. | ⇒ _____ |
| 2. The boy <u>banged</u> an apple noisily. | ⇒ _____ |
| 3. Bella <u>splashes</u> her face with cold water. | ⇒ _____ |
| 4. Richard started to <u>whistle</u> a tune. | ⇒ _____ |
| 5. Birds are <u>crashing</u> merrily in the trees. | ⇒ _____ |

IV. Fill in the blanks and match the words with their meanings. (Điền vào chỗ trống và nối từ với nghĩa thích hợp)

- | | |
|-----------------|------------------------|
| 0. <u>drums</u> | a. kêu kẻo kệt |
| 1. s _____ | b. đàn vĩ cầm |
| 2. c _____ | c. đàn trống |
| 3. x _____ | d. nhạc trưởng |
| 4. v _____ | e. dàn nhạc giao hưởng |
| 5. o _____ | f. đàn phím gỗ |

Your answers: 0 - c 1 - _____ 2 - _____ 3 - _____ 4 - _____ 5 - _____

V. Unscramble. (Sắp xếp chữ cái)

0. Voiinl	→ <u>Violin</u>	3. kquaSe	→ _____
1. loCle	→ _____	4. paShls	→ _____
2. tepmuTr	→ _____	5. kBra	→ _____

VI. Find the hidden word. (Tìm từ bị ẩn)

0. <u>obuzzo</u>	→ <u>buzz</u>	3. pcrashl	→ _____
1. lachirpq	→ _____	4. pfluteew	→ _____
2. poharpuw	→ _____	5. spianoto	→ _____

A small, black and white illustration of a grand piano, shown from a three-quarter perspective. The piano is dark-colored with a light-colored keyboard and a small, light-colored stool in front of it. The lid is open, revealing the internal strings and mechanism. The piano is positioned on a light-colored surface.

1.

4.



5.



6.

2.



3.

[illegible]

0. I have played **t r u m p e t** with big bands for many years.

1. There were some sparrows (*những chú chim sẻ*) h **ping** joyfully in a tree.

2. A conductor is a person who directs the performance of musicians or a piece of music.

3. Jack c _ _ _ nc _ _ ed on a piece of toast.

4. "I'm sorry", he w h__ __ pe__ ed softly.

Part 1

- 5 questions -

Listen and draw lines. There is one example.

